

Bản án số 03/2019/HNGĐ-PT

Ngày 15 - 3 - 2019

“V/v tranh chấp về nghĩa vụ
cấp dưỡng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.

Các Thẩm phán: Bà Lang Thị Duyên

Bà Thái Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 03/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng”. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 89/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Phòng 1610B, Đ Building, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Lê N, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 12, đường Đ, Khối 14, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Bị đơn ông Dương Lê N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 89/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Dương Lê N trước đây là vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng

không hạnh phúc nên đã ly hôn theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 100/2011/QĐGQVDS ngày 19 tháng 8 năm 2011 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Theo quyết định của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội giao con chung là Dương Nhật M, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2004 cho ông Dương Lê N trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành, bà T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2011 cho đến khi có sự thay đổi. Thời gian ông N nuôi con, bà đã đóng góp tiền nuôi con đầy đủ. Thậm chí bà cấp dưỡng nuôi con cho ông N nhiều hơn theo quyết định của Tòa án. Khi bà và ông N ly hôn, ông N có nghĩa vụ trích chia tiền chênh lệch tài sản cho bà 100.000.000 đồng nhưng thực tế ông N chỉ mới giao 70.000.000 đồng, số tiền còn lại trừ vào số tiền cấp dưỡng nuôi con. Tại thời điểm ly hôn, do bà chưa đủ điều kiện về cơ sở, vật chất để nuôi con nên bà đồng ý giao con cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Nay, mức thu nhập và chỗ ở của bà đã ổn định và có đủ điều kiện để nuôi con nên vào tháng 6 năm 2016, bà và ông N đã thỏa thuận cho cháu Dương Nhật M ra Hà Nội sống cùng với bà và cháu M ở cùng bà từ đó cho đến nay, nay cháu M cũng có nguyện vọng được ở với bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con; giao con chung là cháu Dương Nhật M cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại, cháu M đang học lớp 9 nên ngoài tiền ăn, sách vở và học phí ở trường cháu còn phải đi học thêm ôn thi cuối cấp, mỗi tháng hết khoảng 6.000.000 đồng. Vì vậy, bà yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Bị đơn ông Dương Lê N trình bày: Ông N thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị T đã ly hôn và nội dung thỏa thuận ly hôn như bà T trình bày ở trên là đúng. Sau khi ly hôn, cháu Dương Nhật M ở cùng ông N, đến tháng 6 năm 2016, ông và bà T thỏa thuận cho cháu M chuyển ra Hà Nội ở cùng bà T. Nay, bà T làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, ông đồng ý giao con chung là cháu Dương Nhật M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với bà T nhưng số tiền 3.000.000 đồng/01 tháng là quá cao, ông không có khả năng, ông sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng xin được tạm hoãn vì hoàn cảnh gia đình ông hiện nay rất khó khăn, vợ ông mới sinh con được 06 tháng, cháu bị bệnh bẩm sinh nên thường xuyên phải đi viện, chi phí rất tốn kém, vừa qua cháu mới phẫu thuật nên mẹ cháu phải nghỉ việc không lương để ở nhà chăm sóc. Ông có làm thêm lĩnh vực xây dựng nhưng thời gian này không có việc làm nên không thu nhập gì thêm. Cả nhà chỉ trông chờ vào suất lương hưu của ông 6.900.000 đồng/01 tháng. Thời gian trước đây, ông còn đóng góp tiền nuôi hai con riêng của vợ nhưng hiện tại hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông cũng dừng việc đóng góp nuôi hai con riêng của vợ.

Trong thời gian ông trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Nhật M là 57 tháng (từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2016), thời gian này bà T chỉ mới đóng góp được gần 20.000.000 đồng tiền nuôi con, còn thiếu 38.000.000 đồng. Nay, ông yêu cầu được trừ vào số tiền ông phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng; tính từ tháng 10 năm 2018 cho đến hết tháng 11 năm 2021, sau đó, ông sẽ có trách nhiệm đóng góp tiếp.

Với nội dung trên, Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 89/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng các Điều 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử :

Giao con chung Dương Nhật M, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2004 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Dương Lê N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung cùng bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Ông Dương Lê N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 12 năm 2018, bị đơn ông Dương Lê N kháng cáo về mức cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết về mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.200.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Dương Lê N giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin phép vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên phiên tòa tiếp tục theo quy định pháp luật.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông Dương Lê N kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Lê N, giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bị đơn ông Dương Lê N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung cháu Dương Nhật M cùng bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, người kháng cáo ông Dương Lê N giữ nguyên nội dung kháng cáo, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét nội dung vụ án: Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 89/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, giao cháu Dương Nhật M, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2004 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc bị đơn ông Dương Lê N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông N kháng cáo không chấp nhận về mức cấp dưỡng.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Dương Lê N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Dương Lê N đều đồng ý giao cháu Dương Nhật M cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Ông N cũng đồng ý là sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chỉ đồng ý số tiền 1.200.000 đồng. Xét thấy, hiện tại, ông N đã nghỉ hưu, lương hưu hàng tháng là 6.949.400 đồng, đủ điều kiện để cấp dưỡng cho cháu M hàng tháng 2.000.000 đồng. Hơn nữa, cháu M sinh năm 2004, hiện đang học lớp 9 và đang sinh sống với bà T tại Hà Nội, với nhu cầu và cuộc sống hiện tại thì mức cấp dưỡng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, quyết định là phù hợp và đúng pháp luật.

Ông N kháng cáo cho rằng do hoàn cảnh hiện tại của bản thân và gia đình là đặc biệt khó khăn nên không có khả năng cấp dưỡng hàng tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, ông N không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Hơn nữa, do điều kiện ông N khó khăn nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/tháng là hơi thấp so với điều kiện thực tế nuôi

dưỡng, giáo dục cháu M. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Lê N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Dương Lê N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Dương Lê N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Giao con chung Dương Nhật M, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2004 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Dương Lê N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung cùng bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Ông Dương Lê N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc ông Dương Lê N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003011 ngày 06 tháng 12 năm 2018.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phồn